

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM THỦY  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HS-ST  
Ngày: 12/7/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Vũ Thị Dung

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Bùi Thanh Bình;
- Bà Nguyễn Thị Thành.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

**Trịnh Đình C**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1980, tại **C, C, Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trịnh Đình T**, sinh năm 1945 và bà **Quách Thị L**, sinh năm 1955; vợ là **Phùng Thị C1** (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2024 đến ngày 25/01/2024 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Chị **Ngô Thị T1**, sinh năm 1990; địa chỉ: **TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có mặt.

- Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1994; địa chỉ: **TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có mặt.

- Anh Quách Văn Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/01/2024, Đội CSHS Công an Tỉnh T nhận được tố giác tội phạm của chị Ngô Thị T1 đối với về hành vi cho vay lãi nặng của Trịnh Đình C. Quá trình điều tra xác định:

Từ giữa năm 2022 đến tháng 08/2023 do công việc không ổn định, Trịnh Đình C cho một số người dân trên địa bàn huyện C vay tiền với lãi suất 3.000đ/1 triệu đồng/1 ngày đến 6.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tương ứng với lãi suất từ 120%/năm đến 216%/năm, gấp từ 06 lần đến 10,8 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) để thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

- Đối với chị Ngô Thị T1: Ngày 06/10/2022, Trịnh Đình C cho chị Ngô Thị T1 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 2.700.000đ/tháng tương ứng lãi suất 216%/năm, cao gấp 10,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Hàng tháng chị T1 chuyển tiền lãi vào số tài khoản 198016999999999 mở tại Ngân hàng M của C. Ngoài ra, những lần chị T1 không đủ tiền tài khoản thì sẽ đưa thêm bằng tiền mặt cho bị cáo C để trả tiền lãi, tổng số tiền lãi mà chị T1 đã trả cho Trịnh Đình C kể từ tháng 11/2022 đến tháng 8/2023 là 26.800.000đ. Tháng 9/2023, do không còn khả năng để tiếp tục trả tiền lãi nên chị T1 gặp C và xin dừng trả lãi để trả dần tiền gốc đã vay và được C đồng ý. Hiện tại chị T1 chưa trả tiền gốc cho C.

Về khoản vay 15.000.000đ của chị Ngô Thị T1: Tiền lãi theo thỏa thuận là 26.800.000đ (216%/năm). Tiền lãi tối đa theo quy định là 3.000.000đ (20%/năm). Số tiền thu lợi bất chính là 23.800.000đ.

- Đối với chị Lê Thị H: Tháng 11/2022, chị Lê Thị H gặp C vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 1.800.000đ/tháng tương ứng lãi suất 216%/năm, cao gấp 10,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Chị H sử dụng tài khoản chuyển tiền 18910000471207 của B chuyển trả lãi hàng tháng vào tài khoản 198016999999999 mở tại Ngân hàng M của Trịnh Đình C. Tổng số tiền lãi chị H đã trả cho Trịnh Đình C kể từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2023 là 4.900.000đ. Hiện tại chị H chưa trả tiền gốc cho C.

Về khoản vay 10.000.000đ của chị Lê Thị H: Tiền lãi theo thỏa thuận là 4.900.000 đồng (216%/năm). Tiền lãi tối đa theo quy định là 2.000.000đ (20%/năm). Số tiền thu lợi bất chính là 2.900.000đ.

- Đối với anh Quách Văn Đ: Đầu tháng 08/2022, anh Quách Văn Đ gặp C vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ/tháng tương ứng lãi suất 120%/năm, cao gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm). Hàng tháng anh Đ sử dụng tài

khoản 1994888836 mở tại Ngân hàng M chuyển vào tài khoản 198016999999999 mở tại MB của Trịnh Đình C để trả lãi, Đ trả lãi đến tháng 7/2023 thì hai bên thống nhất không trả lãi nữa. Tổng số tiền lãi anh Đ đã trả cho C là 9.750.000đ.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng của anh Đ: Tiền lãi theo thỏa thuận là 9.750.000đ (120%/năm), tiền lãi theo quy định là 2.000.000đ. Thu lời bất chính 7.750.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSCT ngày 04/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Trịnh Đình C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; khoản 2 Điều 35; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên bố bị cáo Trịnh Đình C phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đề nghị mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ và trừ số ngày bị tạm giữ cho bị cáo. Phạt bổ sung đối với bị cáo: 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập hàng tháng. Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền 10.000.000đ tiền gốc anh Đ đã trả cho bị cáo; Truy thu của chị T1 số tiền 15.000.000đ; Truy thu của chị H số tiền 10.000.000đ là tiền gốc vay của bị cáo mà chị T1, chị H chưa trả. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo đã nhận từ những người vay 7.000.000 đồng đây là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo phải trả cho chị Ngô Thị T1 số tiền là 23.800.000đ và chị Lê thị H1 số tiền là 2.900.000 đồng. Anh Đ không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lời bất chính nên không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX đủ cơ sở xác định: Từ giữa năm 2022 đến tháng 08/2023, **Trịnh Đình C** có hành vi cho chị **Ngô Thị T1**, **Lê Thị H**, **Quách Văn Đ** vay tiền với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu đồng/1 ngày đến 6.000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tương ứng với lãi suất từ 120%/năm đến 216%/năm, gấp từ 06 lần đến 10,8 lần mức lãi suất quy định tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) để thu lợi bất chính, tổng số tiền thu lợi bất chính là 34.450.000đ (*Ba mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi trên của bị cáo **Trịnh Đình C** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, do đó buộc bị cáo phải biết hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích lợi nhuận, nên vẫn cố tình thực hiện. Do đó, phải xem xét, xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, do đó, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về hình phạt chính: Hiện nay trên địa bàn **huyện C** tình trạng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ngày càng phức tạp, khó kiểm soát, làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của nhiều người dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cũng như ngăn ngừa tội phạm chung. Do bị cáo đã bị tạm giữ 7 ngày nên số ngày tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc tiền 10.000.000đ anh **Đ** đã trả cho bị cáo. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội, nên cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

Riêng khoản vay của chị **T1** và chị **H** chưa trả cho bị cáo nên buộc phải truy thu của những người này để sung ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi các bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/1 năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mà các bị cáo đã thu thực tế của người vay (Thu của chị **T1** 23.800.000đ; thu của chị **H** 2.900.000đ; thu của anh **Đ** 7.750.000đ). Đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay, nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Đối với anh **Quách Văn Đ** không yêu cầu trả lại nên không xem xét.

Đối với số tiền lãi bị cáo thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm), cụ thể: Bị cáo thu của anh **Đ** 2.000.000đ; thu của chị **T1** 3.000.000đ; thu của chị **H** 2.000.000đ. Tổng là 7.000.000đ. Đây là tiền bị cáo hưởng lợi do phạm tội mà có, cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 35, Điều 36; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Đình C** phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1. Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đình C** 12 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 7 ngày tạm giữ, tương ứng với 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 9 ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo **Trịnh Đình C** 60.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo **Trịnh Đình C** cho Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **C**, tỉnh **Thanh Hóa** nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã **C** trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Biện pháp tư pháp:

- Truy thu của bị cáo **Trịnh Đình C** số tiền 17.000.000đ.

- Truy thu số tiền nợ gốc chưa trả của người vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Truy thu của chị **Ngô Thị T1** số tiền 15.000.000đ.

- Truy thu của chị **Lê Thị H** số tiền 10.000.000đ.

- Buộc bị cáo **Trịnh Đình C** phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho người vay gồm: Chị **Ngô Thị T1** 23.800.000đ; Chị **Lê Thị H** 2.900.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo **Trịnh Đình C** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Ngô Thị T1**, chị **Lê Thị H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Quách Văn Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT Công an H. Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dung**